



NGÂN HÀNG THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD., CHI NHÁNH

ĐỒNG NAI

(“Ngân hàng”)

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

CHO DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

(“Điều Khoản Chung”)

THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD., DONG NAI BRANCH

(“Bank”)

GENERAL TERMS AND CONDITIONS

FOR INTERNET BANKING SERVICE

(“General Terms”)

上海商業儲蓄銀行 同奈分行(以下稱“本行”)

網路銀行申請約定條款(以下稱“本條款”) Edition 編號：1705A

The Customer agrees that the Internet Banking Service will be provided by the Bank to the Customer subject to the terms and conditions contained or referred to in this General Terms. 客戶與本行同意本行所提供予客戶之網路銀行服務係以本條款及條件下之約定條款為依據。

Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng sẽ cung cấp Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử Internet cho Khách hàng theo tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện được quy định hoặc được đề cập trong Điều Khoản Chung này.

1. DEFINITIONS

定義

ĐỊNH NGHĨA

In this General Terms the following terms have the meanings set out below:

在本條款中以下詞語具有下列涵義：

Trong Điều Khoản Chung này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Website**” means the website designated by the Bank for the provision of the Internet Banking Service and related information;

網站：指由本行指定作為提供「網路銀行服務」及相關資訊的網站；

"**Website**" nghĩa là trang web được Ngân hàng chỉ định cho việc cung cấp Dịch vụ Ngân Hàng Điện Tử Internet và các thông tin có liên quan;

“Customer” shall mean any natural person or entity and so forth, who has signed the account opening form, where applicable, includes the manager for the property of the deceased or legal successor of the Customer who is a natural person;

客戶：指任何已簽署開戶申請書之人士，在適用情況下亦包括客戶之遺產管理人或合法繼承人；

"Khách hàng" nghĩa là bất kỳ cá nhân, tổ chức hay các chủ thể tương tự, đã ký kết vào mẫu đơn đăng ký mở tài khoản, tùy theo từng trường hợp, bao gồm cả người quản lý di sản của người đã chết hoặc người thừa kế hợp pháp của Khách hàng là thể nhân;

“Information” shall mean the financial, market information and data or other information and data provided by any Information Provider and published by the Bank through the website and the preparation of report in any form, media or other methods;

資訊：指由任何資訊供應商提供並由本行透過網路發布之財經、市場或其他資料和數據及以任何形式、媒介或方法提供利用資訊編制而成的報告；

"Thông tin" nghĩa là các thông tin và dữ liệu về tài chính, thị trường hoặc các thông tin và dữ liệu khác được cung cấp bởi bất kỳ Bên cung cấp Thông tin nào và được công bố bởi Ngân hàng thông qua website và các báo cáo được lập dưới mọi hình thức, phương tiện truyền thông hoặc các phương tiện khác;

“Application” shall mean any application form designated by the Bank for the application of Internet Banking Service;

申請書：指本行所制定申請網路銀行服務之所有相關申請表；

"Đơn" nghĩa là bất kỳ mẫu đơn nào được Ngân hàng chỉ định sử dụng cho việc yêu cầu cung ứng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử;

“Electronic Data” shall mean the data transmitted by the Bank to the Customer and vice versa through internet network;

電子訊息：指本行或客戶經由電腦及網路連線傳遞之資訊；

"Dữ liệu điện tử" nghĩa là các dữ liệu được Ngân hàng truyền tải cho Khách hàng và ngược lại thông qua mạng internet;

“Code” shall mean the personal identification code of the Customer (inclusive of its authorized user(s) to whom the authority to access by the identification code is granted) and the username and password given by the Bank to the Customer (or the password re-set by the Customer) for the purpose of user identification in the use of Internet Banking Service and/or other forms of identification accepted by the Bank;

接達密碼：指客戶(包括被授權人)的個人識別碼及由本行給予客戶之使用者代號及密碼(或經客戶重設之密碼)，用作使用網路銀行服務時之證明及/或其他獲本行接納的形式之用戶識別；

"**Mã**" nghĩa là mã nhận dạng cá nhân của Khách hàng (bao gồm cả (các) người sử dụng được ủy quyền của cá nhân được phép truy nhập bằng mã nhận dạng đã được cấp) cùng tên truy nhập và mật khẩu do Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng (hoặc mật khẩu được Khách hàng thay đổi) nhằm mục đích nhận dạng người sử dụng trong việc sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử và/hoặc các hình thức nhận dạng khác được Ngân hàng chấp thuận;

"**Service Hours**" shall mean the business hours of the Bank, which are from 8:00a.m. to 5:00p.m. between Mondays and Fridays, except the dates when the Bank is not open for business, but excluding the business not restricted by the business hours of the Bank, for which the Bank may provide extended or 24 hours service as agreed or published from time to time. In addition, unless otherwise decided by the Bank, Saturdays, Sundays, public holidays in VIETNAM or natural disaster are not service hours of the Bank.

服務時間：銀行共同營業時間指週一至週五上午八點至下午五點，惟銀行對外停止營業之日除外。但不受「銀行共同營業時間」限制之營業項目，本行得另約定或公告提供延長或二十四小時之全天候服務時間；

"**Giờ Phục vụ**" nghĩa là giờ làm việc của Ngân hàng, từ 8:00 giờ sáng. đến 5:00 giờ chiều. từ Thứ hai đến Thứ sáu, trừ những ngày Ngân hàng không mở cửa giao dịch, nhưng không bao gồm các giao dịch không bị hạn chế bởi giờ làm việc của Ngân hàng, mà theo đó Ngân hàng có thể cung cấp dịch vụ ngoài giờ hoặc 24 giờ như được thoả thuận hoặc công bố trong từng thời điểm. Thêm nữa, trừ trường hợp Ngân hàng quyết định khác đi, các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ tại Việt Nam hoặc thời gian xảy ra thiên tai không phải là giờ phục vụ của Ngân hàng.

"**Information Provider**" shall mean the parties providing the information, including all parties that provide any information to the Information Provider;

資訊供應商：指提供資訊的人士，此名詞包括所有提供任何資料予資訊供應商的人士；

"**Bên cung cấp Thông tin**" nghĩa là các bên thực hiện việc cung cấp thông tin, bao gồm tất cả các bên đã cung cấp bất kỳ thông tin nào cho Bên cung cấp Thông tin;

"**Information Security**" shall mean both parties shall ensure the security of electronic data, and prevent illegal log in to the system such as hacking, tampering, or

destruction of business records and information. The risk of loss arising from the willful default or gross negligence of the Bank causing the decryption of user code or password by any third party into the system (hacking act) will be assumed by the Bank.

資料安全：雙方應確保電子訊息安全，防止非法進入系統、竊取、竄改或毀損業務記錄及資料。因第三人破解授權使用者代號或密碼而入侵系統(駭客行為)所發生之損害，由本行負擔其危險；

"An toàn thông tin" nghĩa là cả hai bên có trách nhiệm đảm bảo sự an toàn của các dữ liệu điện tử, và ngăn chặn việc truy cập bất hợp pháp vào hệ thống như đột nhập, can thiệp, hoặc phá hủy các hồ sơ và thông tin kinh doanh. Ngân hàng sẽ chịu rủi ro về thiệt hại phát sinh do lỗi cố ý hay bất cẩn một cách hiển nhiên của Ngân hàng dẫn tới việc bất cứ bên thứ ba nào phá giải được mã hoặc mật khẩu của người dùng để xâm nhập vào hệ thống (hành động tấn công mạng).

"Internet Banking Service" shall mean the services or facilities provided or to be provided by the Bank to the Customer from time to time through the Bank and/or other service providers as designated, so that the Customer may issue instruction to the Bank and liaise with the Bank via its computer through internet, in order to conduct the enquiry of relative business provided by the Bank;

網路銀行服務：指本行及/或其委派的其他服務供應商不定時提供或將提供給客戶的銀行服務或設施，使客戶可以透過電腦經由網際網路，發指示給本行及與本行聯絡，以進行銀行提供之相關業務查詢；

"Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử " nghĩa là các dịch vụ hoặc tiện ích đang hoặc sẽ được Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng trong từng thời điểm thông qua Ngân hàng và/hoặc các bên cung cấp dịch vụ khác theo chỉ định, nhờ đó Khách hàng có thể gửi chỉ thị tới Ngân hàng và liên hệ với Ngân hàng thông qua máy tính kết nối internet, để đáp ứng các yêu cầu kinh doanh có liên quan của Ngân hàng;

"Internet Banking Service Hours" shall mean the service hours of the Internet Banking system. The daily service hours are at least 22 hours, the annual system suspension hours are no more than 45 hours, and the time for recovering system after breakdown is no more than 10 hours.

網路銀行服務時間：網路銀行系統每日之服務時數至少為 22 小時，每年系統暫停提供服務之總時數不超過 45 小時，系統當機後復原之時間不超過 10 小時；

"Thời gian phục vụ Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử" nghĩa là thời gian phục vụ của hệ thống Ngân Hàng Điện Tử. Thời gian phục vụ hàng ngày ít nhất là 22 giờ/ngày, thời gian tạm ngưng dịch vụ của hệ thống là không quá 45 giờ/năm và thời gian cho phục hồi hệ thống sau sự cố là không quá 10 giờ.

“**Password**” shall be provided to first-time customers, and shall be entered when customers log in the website for using Internet Banking Service for the first time. Once the password is verified by the system, the Customer will immediately change such temporary password to the Customer’s personal password, which will be used for verification for future Internet Banking related transactions.

密碼：客戶於第一次使用時，應於本行指定網站輸入初始網路銀行密碼，經確認無誤後，客戶需自行重新設定網路銀行密碼，以為客戶日後辦理各項網路銀行業務之身分依據。

"**Mật khẩu**" sẽ được cung cấp cho khách hàng lần đầu và được dùng khi khách hàng đăng nhập lần đầu tiên vào website để sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử. Khi mật khẩu đã được xác nhận bởi hệ thống, Khách hàng cần ngay lập tức thay đổi mật khẩu tạm thời đó bằng mật khẩu riêng của mình và sử dụng mật khẩu riêng để xác nhận các giao dịch liên quan tới Ngân Hàng Điện Tử sau này.

2. TERMS AND CONDITIONS OF INTERNET BANKING SERVICE ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

2.1. The Bank shall notify the Customer of its Website upon approving the Customer’s application for Internet Banking Service. If the Customer has any questions, the Customer shall call (84) 61-887-5111 for inquiries. **To verify the real website of the Bank, please surely refer to the logging page of Bank’s Website (<https://vnibank.scsb.com.tw>) and the “Internet Banking Service user safety notice.”**

本行於核可客戶之網路銀行服務申請時，應通知客戶本行網路銀行正確之網址；客戶如有疑問，請電(84) 61-887-5111 詢問。**為確保您所連結的網址為正確的上海商業儲蓄銀行網站，請務必參閱本行網路銀行登入頁面 (<https://vnibank.scsb.com.tw>) 所公佈之『網路銀行用戶安全須知』。**

Ngân hàng phải thông báo cho Khách hàng về Website của mình khi chấp nhận đơn yêu cầu cung cấp Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử của Khách hàng. Nếu có bất kỳ thắc mắc nào, Khách hàng có thể gọi tới số điện thoại (84) 61-887-5111 để được giải đáp. **Để xác định chính xác website thật sự của Ngân hàng, xin vui lòng tham khảo tại trang đăng nhập của website Ngân hàng (<https://vnibank.scsb.com.tw>) và "Lưu ý về an toàn cho người sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử."**

2.2. The Bank and the Customer agree to use the agreed network for delivery of Electronic Data.

本行及客戶同意使用約定之網路進行電子訊息傳輸。

Ngân hàng và Khách hàng thống nhất sử dụng mạng đã thỏa thuận cho việc chuyển giao Dữ liệu điện tử.

- 2.3. If any error occurs to the Electronic Data for reasons not attributable to the Customer, the Bank shall assist the Customer to correct such error. If the error occurs to the Electronic Data due to reasons attributable to the Bank, the Bank shall correct such error immediately upon becoming aware of such error and notify the Customer of the same by Electronic Data or other means as agreed between the Bank and the Customer.

客戶利用本合約之服務，如其電子訊息因不可歸責於客戶之事由而發生錯誤時，銀行應協助客戶更正。前項服務因可歸責於銀行之事由而發生錯誤時，銀行應於知悉時立即更正，並同時以電子訊息或銀行及客戶約定之方式通知客戶。

Nếu có bất kỳ lỗi nào xảy ra với Dữ liệu điện tử do các nguyên nhân không phải từ phía Khách hàng, Ngân hàng sẽ hỗ trợ Khách hàng để sửa chữa những lỗi đó. Trường hợp lỗi xảy ra với Dữ liệu điện tử do các nguyên nhân liên quan đến Ngân hàng, Ngân hàng sẽ sửa chữa lỗi đó ngay khi phát hiện lỗi, đồng thời thông báo ngay cho Khách hàng bằng Dữ liệu điện tử hoặc phương tiện khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng .

- 2.4. Both the Bank and the Customer recognize that all Electronic Data received by one of parties from the other party shall be deemed as the Electronic Data have been duly sent by the other party.

本行及客戶應確保所傳送至對方之電子訊息均經合法授權。

Cả Ngân hàng và Khách hàng thừa nhận rằng tất cả các Dữ liệu điện tử mà một bên đã nhận được từ bên kia sẽ được xem là Dữ liệu mà bên kia đã gửi hợp lệ.

- 2.5. The Bank and the Customer agree that all Electronic Data have the same effect as documents in written form.

本行及客戶同意依本合約交換之電子訊息，其效力與書面文件相同。

Ngân hàng và Khách hàng đồng ý rằng tất cả các Dữ liệu điện tử có giá trị tương đương như các tài liệu bằng văn bản.

- 2.6. If the Customer forgets the Customer's personal Password, the Customer must apply for a new temporary Password by an application in form and substance satisfactory to the Bank if the Customer wishes to continue using the Internet Banking Service. If the Bank deems that the account is improperly or illegally used, the Bank may suspend

the transactions to the Customer's designated accounts at its sole discretion and notify the Customer via telephone or mail.

客戶忘記密碼時，如欲繼續使用本服務，需重新申請一暫時性密碼。另本行認為客戶有不當往來之情形或本項服務有遭他人非法使用之虞時，本行得隨時逕行暫停提供本服務，並應立即以電話或書面通知客戶暫停使用本服務。

Trường hợp Khách hàng quên Mật khẩu cá nhân của mình, nếu muốn tiếp tục sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử, Khách hàng phải yêu cầu lại một Mật khẩu tạm thời mới bằng đơn yêu cầu theo hình thức và nội dung được Ngân hàng chấp thuận. Nếu Ngân hàng xét thấy rằng tài khoản đó bị sử dụng một cách không đúng cách hoặc bất hợp pháp, Ngân hàng có toàn quyền quyết định trong việc đình chỉ giao dịch đối với tài khoản được chỉ định của Khách hàng và thông báo cho Khách hàng qua điện thoại hoặc qua thư.

- 2.7. If the Customer enters the incorrect Password for more than three (3) consecutive times, or has closed its account, the Bank may automatically suspend Internet Banking Service to the Customer. If the Customer wishes to continue using the Internet Banking Service, the Customer must apply to have the Internet Banking Service reactivated by an application in form and substance satisfactory to the Bank at Bank's counter.

客戶連續輸入密碼錯誤超過三次或結清銷戶時，本行得自動終止本服務，客戶如擬恢復使用，應當臨櫃重新辦理申請手續。

Nếu Khách hàng nhập Mật khẩu không chính xác ba (3) lần liên tiếp, hoặc đóng tài khoản của mình, Ngân hàng có thể tự động đình chỉ Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử cho khách hàng. Nếu khách hàng có nhu cầu tiếp tục sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử, khách hàng phải yêu cầu kích hoạt lại Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử bằng đơn yêu cầu theo hình thức và nội dung được Ngân hàng chấp thuận tại quầy giao dịch của Ngân hàng.

- 2.8. The Customer shall keep the Customer's Code and Password in security. Failure to do so may incur the Customer's liability for any loss. If the Password or Code is lost or stolen or an unauthorised transaction has occurred through the Internet Banking Service, the Customer must notify the Bank immediately.

客戶應妥善保管代碼和密碼。未能這樣做可能導致客戶對任何損失承擔責任。如果密碼或代碼遺失或被盜或發生網路銀行服務未經授權的交易，客戶必須立即通知本行。

Khách hàng phải bảo mật Mã Khách hàng và Mật khẩu của mình. Nếu không Khách hàng sẽ phải chịu mọi tổn thất có thể xảy ra. Trường hợp Mật khẩu hoặc Mã khách

hàng bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc xảy ra giao dịch trái phép thông qua Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử, Khách hàng phải lập tức thông báo cho Ngân hàng.

- 2.9. The Customer shall comply with the “Internet Banking Service user safety notice” issued by the Bank (as amended from time to time) when the Customer uses the Internet Banking Service.

客戶使用網路銀行服務時應遵守由本行發布的“網路銀行用戶安全須知”。

Khách hàng phải tuân thủ "Lưu ý về an toàn cho người sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử của Ngân hàng (như được sửa đổi trong từng thời điểm) khi sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.

- 2.10. The Customer shall peruse and abide by “Guidance for Customer” (attached hereafter) when the Customer uses the Internet Banking Service, including but not limited to :

- (i) not to choose a Password that is easily identified with the Customer, for example, the Customer’s birth date, the Customer’s name or other basic data;
- (ii) not to disclose the Customer’s Code or Password to any person and shall change the Password at least once a year or upon its exposure or suspected exposure;
- (iii) not to allow any other person to see the Customer entering into the Customer’s Code or Password ; and
- (iv) not to record or memorize the Customer’s Code or Password on web browser.

當客戶使用網路銀行服務時，客戶應仔細閱讀並遵守“客戶指南”（以下附件），包括但不限於：

- (i) 不要選擇容易識別的密碼，例如出生日期，姓名或其他基本資料；
- (ii) 不向任何人透露代碼或密碼，並且至少每年一次或一旦密碼一經洩漏時即應變更密碼；
- (iii) 不允許任何其他人士看到輸入的代碼或密碼；和
- (iv) 不讓瀏覽器記錄或記住代碼或密碼。

Khách hàng cần đọc kỹ và tuân thủ "Hướng dẫn khách hàng" (đính kèm sau đây) khi sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (i) Không đặt một Mật khẩu dễ dàng bị xác định đối với bản thân Khách hàng, ví dụ như ngày sinh, tên hay những dữ liệu cơ bản khác của Khách hàng;
- (ii) Không tiết lộ Mã Khách hàng hoặc Mật khẩu cho bất kỳ cá nhân nào khác; và thay đổi Mật khẩu ít nhất một lần một năm hoặc khi nghi ngờ Mật khẩu bị tiết lộ hoặc đánh cắp.
- (iii) Không cho bất kỳ cá nhân nào quan sát được việc nhập Mã Khách hàng hoặc Mật khẩu của mình; và
- (iv) Không lưu hoặc ghi nhớ Mã Khách hàng hoặc Mật khẩu trên trình duyệt web.

3. TERMINATION OF INTERNET BANKING SERVICE CHẤM DỨT DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

- 3.1. The Customer may terminate to use Internet Banking Service at any time by means of written application/notice for termination of Internet Banking Service in form and substance satisfactory to the Bank. Nevertheless, the said termination shall not be effective until the Bank's receipt of Customer's written notice and its completeness of alteration procedures. Any Customer's Internet Banking Service instructions made prior to the effective date of the termination shall remain in full force and be acknowledged by the Customer.

客戶得隨時以書面向本行申請終止使用網路銀行服務，惟須在本行收到書面通知辦妥異動手續後，此項終止始生效力；在此之前所有客戶所為網路銀行服務指示，客戶均承認其效力。

Khách hàng có thể chấm dứt sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử tại bất cứ thời điểm nào bằng một đơn/thông báo chấm dứt Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử bằng văn bản theo hình thức và nội dung được Ngân hàng chấp thuận. Tuy nhiên, việc chấm dứt sẽ chưa có hiệu lực cho đến khi Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản của Khách hàng và hoàn tất các thủ tục thay đổi. Mọi chỉ thị Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử của Khách hàng được đưa ra trước ngày việc chấm dứt có hiệu lực sẽ giữ nguyên hiệu lực và được công nhận bởi Khách hàng.

- 3.2. Without the 30 days' prior written notice or e-mail to the Customer, the Bank's termination of Internet Banking Service shall not be activated. Nevertheless, the Bank may terminate this Internet Banking Service immediately without giving any notice to the Customer in the event of:

- (i) The Customer transfers or assigns its rights or obligations to any third parties without the Bank's prior consents in writing.
- (ii) The liquidation, bankruptcy or re-organizations of the Customer decided by the competent Court ; or
- (iii) The Customer does not comply with any Bank's provision on using the Internet Banking Service.

本行須於終止日前 30 日以書面或電子郵件通知客戶，始得終止網路銀行服務。但客戶如有下列情事之一者，本行得隨時通知客戶終止使用本服務：

- (i) 未經本行同意，擅自將本服務之權利、義務移轉或轉讓第三人者。
- (ii) 受法院破產或重整宣告者。
- (iii) 不遵守本行關於使用網路銀行之規定。

Việc chấm dứt Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử từ phía Ngân hàng sẽ không được kích hoạt khi chưa có thông báo tới Khách hàng bằng bằng văn bản hoặc thư điện tử trước

30 ngày. Tuy nhiên, Ngân hàng có thể lập tức chấm dứt Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử mà không cần đưa ra bất kỳ thông báo nào cho Khách hàng trong trường hợp:

- (i) Khách hàng chuyển giao quyền hoặc nghĩa vụ của mình cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không được sự đồng ý trước của Ngân hàng bằng văn bản.
- (ii) Khách hàng phải giải thể, phá sản hay tái tổ chức theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền; hoặc là
- (iii) Khách hàng không tuân thủ bất cứ qui định nào của Ngân hàng trong việc sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.

4. Anti-Money Laundering and Counter-Terrorist Financing

Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

The Customer agrees that for the purpose of anti-money laundering and/or counter-terrorist financing, the Bank may decline to establish business relationship with the Customer, suspend the transaction and service in whole or in part at any time (including but not limited to stop providing Internet Banking Service), terminate this General Terms and Conditions and/or terminate the Internet Banking Service at its sole discretion immediately without giving any notice to the Customer in the event of:

- (i) The Customer is imposed economic sanction or traced and recognized as terrorist by his government, foreign government or international anti-money laundering organizations;
- (ii) The Customer is unwilling to cooperate with the Bank on reviewing provide the information about actual beneficial owners or those who exercising the control over the Customer, and is unwilling to explain the nature and purpose of transactions or the source of funds;
- (iii) Any interaction and relationship with the Bank or the services applied by the Customer is involved with the countries, sanction lists or prohibitions (including but not limit to prohibited transaction, the harbor, vessel designated by sanction programs, etc., applicable hereinafter) of the sanction programs (including but not limit to sanction programs administered by his government, foreign governments, international anti-money laundering organizations, United Nations, European Union, and US The Office of Foreign Assets Control (OFAC)). The Customer shall inform the Bank immediately when being aware of the transaction processing involves with any country, sanction lists or prohibitions of sanction programs;
- (iv) The Bank assumes that the Customer, any transaction, relationship of the Customer or the explanation, information, documents provided by the Customer to be illegal, inappropriate, unreasonable, unusual or bearing other relevant risks;

- (v) The Bank receives from a third party with the report confirmed by the domestic or foreign enforcement authorities, written complaints, or confirmation documents issued by the intermediary bank, or the Bank considers that there is a suspicion of money laundering, fraud or other improper use of the account.

客戶同意本行為打擊洗錢及恐怖分子資金籌集，如有下列任一情事，本行無須通知客戶，本行得拒絕業務往來、隨時停止一部或全部交易或服務(包括但不限於停止提供網路銀行服務)、逕自立即終止本條款及/或終止網路銀行服務：

- (i) 客戶為受經濟制裁、本國政府、外國政府或國際洗錢防制組織認定或追查之恐怖分子或團體。
- (ii) 客戶有不配合審視、拒絕提供實益擁有人或對客戶行使控制權之人等資訊、對交易之性質與目的或資金來源不願配合說明等情事。
- (iii) 客戶所申請之各項服務或與本行之一切往來，為制裁計畫(包括但不限於本國政府、外國政府、國際洗錢防制組織、聯合國(United Nations)、歐盟(European Union)或美國財政部海外資產控制辦公室(US The Office of Foreign Assets Control (OFAC))等所公布之制裁計畫)所涉及之國家、名單或項目(包括但不限於港口、船舶等)。若在業務辦理過程中發現涉及制裁計畫之國家、名單或項目，客戶並應立即告知本行。
- (iv) 本行對客戶或其任何交易、往來或客戶提供之說明、資訊、文件等有違法、不正當、不合理、異常或其他相關風險之合理懷疑。
- (v) 本行接獲第三人檢附國內外治安機關報/備案證明、書面申訴或通匯銀行確認文件，或經本行研判帳戶有疑似洗錢、詐欺等不當使用之情事。

Khách hàng đồng ý với mục đích phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, Ngân hàng có thể từ chối thiết lập quan hệ giao dịch với Khách hàng, tạm ngừng giao dịch và dịch vụ toàn bộ hoặc một phần vào bất cứ lúc nào (bao gồm nhưng không giới hạn Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử) chấm dứt Các Điều Khoản và Điều Kiện Chung này và/ hoặc chấm dứt Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử ngay lập tức bằng quyền tự quyết của mình mà không cần đưa ra bất kỳ thông báo nào cho Khách hàng khi:

- (i) Khách hàng bị cấm vận kinh tế hoặc bị điều tra và bị coi như là phần tử khủng bố bởi chính phủ nước sở tại, chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế;
- (ii) Khách hàng không sẵn lòng hợp tác với Ngân hàng khi xem xét cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực tế hoặc những người thực hiện việc kiểm soát thông qua Khách hàng và không sẵn lòng giải thích bản chất và mục đích của các giao dịch hoặc quỹ nguồn vốn;
- (iii) Bất kỳ giao dịch và mối quan hệ nào với Ngân hàng hoặc các dịch vụ được Khách hàng sử dụng có liên quan đến các quốc gia, danh sách bị trừng phạt hoặc các lệnh cấm (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các giao dịch bị cấm, các bến cảng, tàu được chỉ định bởi lệnh trừng phạt, v.v... được áp dụng dưới đây) trong các lệnh trừng phạt (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các lệnh trừng phạt do

- chính phủ, chính phủ nước ngoài, tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế, Liên hợp quốc (United Nations), Liên minh châu Âu (European Union) và Văn phòng Quản lý tài sản nước ngoài của Bộ tài chính Hoa Kỳ (OFAC) thực thi). Khách hàng phải thông báo ngay cho Ngân hàng khi phát hiện giao dịch thực hiện liên quan đến quốc gia, danh sách bị trừng phạt và lệnh cấm của các lệnh trừng phạt;
- (iv) Ngân hàng nghi ngờ rằng Khách hàng, bất cứ giao dịch, mối quan hệ nào của Khách hàng hoặc những giải thích, thông tin, tài liệu mà Khách hàng cung cấp là bất hợp pháp, không phù hợp, không hợp lý, bất thường hoặc mang tính rủi ro có liên quan khác.
 - (iv) Ngân hàng nhận được báo cáo từ bên thứ ba đã được xác nhận bởi cơ quan thực thi pháp luật trong nước hoặc nước ngoài, các khiếu nại bằng văn bản, hoặc các văn bản xác nhận do ngân hàng trung gian ban hành hoặc Ngân hàng nghi ngờ là có rửa tiền, gian lận hoặc tài khoản được sử dụng không thích đáng.

5. NON-DISCLOSURE KHÔNG TIẾT LỘ

Unless otherwise with the Customer's consent or required by the laws of Vietnam, the Bank and the Customer shall ensure that all Electronic Data or information of the other party acquired for use or execution of the Internet Banking Service shall not be disclosed to any third party, nor used for any purpose unrelated to the Internet Banking Service. If a party discloses the same to a third party with consent of the other party, such disclosing party shall cause the third party to agree to be bound by this provision. Violation of this provision by a third party as mentioned in the preceding paragraph shall be deemed to be a violation by the disclosing party.

除經客戶同意或法律另有規定外，本行及客戶應確保所交換之電子訊息或一方因使用或執行網路銀行服務而取得他方之資料，不洩露予第三人，亦不可使用於與網路銀行服務無關之目的，且於經他方同意告知第三人時，應使第三人負本條之保密義務，前項第三人如不遵守此保密義務者，視為本人義務之違反。

Trừ khi có sự đồng ý khác đi của Khách hàng hoặc theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam, Ngân hàng và Khách hàng phải đảm bảo rằng tất cả các Dữ liệu điện tử hoặc thông tin nhận được từ bên còn lại để sử dụng hoặc thực hiện Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, cũng như không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử. Nếu một bên tiết lộ thông tin cho một bên thứ ba có sự chấp thuận của bên còn lại, bên tiết lộ phải đảm bảo bên thứ ba cũng chấp thuận bị ràng buộc bởi quy định này. Việc vi phạm quy định này bởi một bên thứ ba như đã đề cập ở trên sẽ được coi là vi phạm bởi bên tiết lộ.

6. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG

The Bank is entitled to add, delete and/or amend this General Terms and the current rules and regulations of the Bank. Such addition, deletion and/or amendment shall be deemed as effective upon its publishment at the Bank's office or in the website of the Bank or upon notice given by other means considered to be appropriate by the Bank. Neither the Customer raises any objections nor terminates the Internet Banking Service within 30 days since from such notice is published, the Customer will be deemed to have agreed and accepted such addition, deletion and/or amendment which will have absolutely binding and immediately contractual effect on the Customer. Furthermore, if the Customer raises any objections herein, using the Internet Banking Service shall forthwith be terminated accordingly.

客戶同意本行可隨時修改本條款或增補新條款，任何修訂或增補之章則，一經於營業場所或本行網站揭示、公告或以適當之形式通知客戶後，若客戶於修訂增補公告日後 30 日內未提出異議或終止網路銀行服務者，則應視為客戶已承認並接受該增訂及修補，並對客戶發生拘束力。倘客戶對本行之修訂或增補有任何異議者，則網路銀行服務視為立即終止。

Ngân hàng có quyền bổ sung, giảm bớt và/hoặc sửa đổi Điều Khoản Chung này cũng như các quy tắc và quy định hiện hành của mình. Việc bổ sung, giảm bớt và/hoặc sửa đổi này sẽ được coi là có hiệu lực khi được công bố tại trụ sở hoặc trên website của Ngân hàng hoặc khi thông báo được đưa ra bởi các phương tiện khác được Ngân hàng coi là thích hợp. Nếu Khách hàng không đưa ra bất kỳ phản đối nào cũng như không chấm dứt Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử trong thời hạn 30 ngày kể từ khi thông báo đó được công bố, Khách hàng sẽ được coi như đã đồng ý và chấp nhận các bổ sung, giảm bớt và/hoặc sửa đổi, có giá trị ràng buộc tuyệt đối và hiệu lực hợp đồng tức thì đối với Khách hàng. Tuy nhiên, nếu Khách hàng có bất kỳ ý kiến phản đối nào với các bổ sung, giảm bớt và/hoặc sửa đổi này, việc sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử theo đó sẽ ngay lập tức chấm dứt hiệu lực.

7. ENSURING

BẢO ĐẢM

The Bank represents the Bank shall perform all the stipulations of consumer protection and shall take such measures as it considers reasonable to ensure the security and the continuous operation of the Internet Banking Service.

The Bank shall ensure the collection and use of the personal information of customers in compliance with any laws and regulations and collect the personal information of Customers in the lawful method, ensure the security of the personal information of Customers, ensure safety and security in case distribute software to Customers via the

Internet, commit not to sell such information, and commit not to disclose or leak such information unless otherwise with the Customer's consent or required by the laws of Vietnam.

本行聲明將按照相關法令踐行消費者保護之規範，並維護網站的安全性及確保網銀系統不斷運作。本行依相關法令蒐集和使用客戶個人資料，將以合法方式蒐集客戶個人資料，並確保客戶個人資料之安全及傳輸予客戶軟體之安全性，保證絕不販售客戶個人資料資訊，且除經客戶同意或法律另有規定外，保證絕不洩漏客戶個人資料資訊。

Ngân hàng tuyên bố sẽ thực hiện tất cả các quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và sẽ áp dụng các biện pháp được xem là hợp lý để đảm bảo sự an toàn và hoạt động liên tục của Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.

Ngân hàng phải đảm bảo việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của khách hàng tuân thủ các quy định pháp luật và việc thu thập được tiến hành một cách hợp pháp, đảm bảo tính bảo mật cho thông tin cá nhân của Khách hàng, đảm bảo an toàn và an ninh trong trường hợp phân phối phần mềm cho Khách hàng qua Internet, cam kết không bán thông tin khách hàng, và cam kết không tiết lộ hoặc làm rò rỉ thông tin trừ khi có sự đồng ý của khách hàng hoặc theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

8. MISCELLANEOUS: QUI ĐỊNH KHÁC

Should there exists any event(s) and/or condition(s) not expressly stipulated/contemplated herein ("Non-Stipulations"), the non-stipulations shall be subject to the Bank's currently valid process, rules or regulations and subject to any banking operation precedents, customary usages or general principles; or subject to the mutual understandings further negotiated and concluded by the Bank and Customer via written appendixes/documents attached hereto.

其他：本合約如有任何未盡事宜，悉依照本行之業務規章及一般銀行作業慣例規定辦理，或得經雙方協議，另以書面補充或修正之。

Trường hợp tồn tại bất kỳ sự kiện và/hoặc tình trạng nào không được quy định/dự tính một cách rõ ràng trong Điều Khoản Chung này ("Các Vấn Đề Không Được Quy Định"), Các Vấn Đề Không Được Quy Định này sẽ tùy theo các quy trình, quy tắc và quy định hiện hành của Ngân hàng và tùy theo tiền lệ hoạt động, tập quán kinh doanh và nguyên tắc chung trong ngành ngân hàng; hoặc tùy theo thỏa thuận thống nhất mà Ngân hàng và Khách hàng đã đàm phán và ký kết thêm thông qua các phụ lục/tài liệu đính kèm theo.

9. LANGUAGE NGÔN NGỮ

In case of any conflict between the English version and Vietnamese version, the English version shall prevail unless otherwise required by law.

若英、越文版本間有任何不一致之處，悉依英文版為準。
Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng trừ khi có quy định khác của pháp luật.

10. GOVERNING LAW AND JURISDICTION:

LUẬT PHÁP VÀ QUYỀN TÀI PHÁN:

This Internet Banking Service shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam, and for disputes arising between the Bank and the Customer related to the Internet Banking Service, which cannot be resolved by discussion between the parties will be resolved by the competent court of Vietnam.

準據法及管轄法院：本網路銀行服務係以越南法令為準據法，有關網路銀行服務所產生之爭執，雙方當事人同意以越南法院為第一審非專屬管轄法院。

Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử này được điều chỉnh và cấu thành phù hợp với luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng và Khách hàng liên quan đến Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử, nếu không thể được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên sẽ được giải quyết bởi tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

GUIDANCE FOR CUSTOMER HƯỚNG DẪN KHÁCH HÀNG

1. Method to set a password and protect Password.

E.g. suggest not to use your name, birthday or other basic data as the Password, and you shall change the Password at least once a year or upon its exposure or suspected exposure.

設定密碼之方法與密碼保護：

設定密碼時，不要使用英文姓名、生日等容易被臆測的資訊，建議至少每年一次或一旦密碼一經洩漏時即應變更密碼。

Phương pháp thiết lập và bảo vệ mật khẩu.

Ví dụ. đề nghị không sử dụng tên, ngày sinh hoặc các dữ liệu cá nhân cơ bản khác để làm Mật khẩu, và nên thay đổi mật khẩu ít nhất một năm một lần hoặc khi phát hiện mật khẩu bị tiết lộ hoặc đánh cắp.

2. Not sharing the storage equipment of passwords, digital signatures.

不將設備之密碼、數位簽名任意洩漏予他人。

Không dùng chung các thiết bị lưu trữ mật khẩu, chữ ký số với bất cứ cá nhân nào khác.

3. Not placing options of web browser to allow the user name and password archiving.

請勿讓瀏覽器記錄您的使用者名稱、密碼等資料。

Không cài đặt tùy chọn của trình duyệt web cho phép lưu trữ tên người dùng và mật khẩu.

4. Escape from the Internet Banking system when not using.

如不再使用網路銀行時，請務必執行登出該網路銀行系統。

Thoát khỏi hệ thống Internet Banking khi không sử dụng.

5. Not using public computers, wireless public network to access the Internet Banking system.

建議避免經由公眾電腦、無線網路，使用網路銀行服務。

Không sử dụng các máy tính công cộng, mạng không dây công cộng để truy cập vào hệ thống Ngân Hàng Điện Tử.

6. Identify and take action against circumstances of phishing or fake websites .Ensure to access to applicable address of the Internet Banking Service: <https://vnibank.scsb.com.tw>.
針對網路釣魚或偽冒網站應有辨識機制以及採取相應行動，並確保您所連結的網址為正確的上海商業儲蓄銀行網站網址：<https://vnibank.scsb.com.tw>
Nhận dạng và có hành động phòng chống các tình huống lấy cắp thông tin hoặc các trang web giả mạo. Đảm bảo truy cập vào địa chỉ khả dụng cho Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử: <https://vnibank.scsb.com.tw>
7. Please send notice or query (if any) to the BANK (TEL: (84) 61-887-5111) of errors and incidents in the course of using the service, or any unusual transaction, upon being fraudulent or suspiciously being fraudulent; or upon being attacked or suspiciously attacked by hackers.
客戶於使用網路銀行服務時，如有任何疑問、遇任何不尋常之交易、詐欺或有詐欺之可疑或駭客攻擊或可疑的駭客攻擊，請電 (84) 61-887-5111 詢問
Vui lòng gửi thông báo hoặc thắc mắc (nếu có) khi gặp lỗi hoặc sự cố trong quá trình sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử về Ngân hàng (Số điện thoại: (84) 61-887-5111), hoặc những giao dịch bất thường do bị lừa đảo hoặc nghi ngờ là bị lừa đảo; hoặc bị tấn công hoặc nghi ngờ là bị tấn công.
8. Please install or use anti-virus software on personal equipment used for Internet Banking Service.
請在使用網路銀行服務的個人設備上安裝或使用防病毒軟件。
Hãy cài đặt và sử dụng phần mềm diệt virus trên thiết bị cá nhân khi sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.
9. Please select authentication measures with safety and confidentiality levels in conformity with the your demand in terms of transaction limit.
請在符合您的交易限額方面選擇安全和保密級別的認證措施。
Vui lòng chọn các biện pháp xác thực với mức độ an toàn và bảo mật phù hợp với yêu cầu của bạn về giới hạn giao dịch.
10. Please pay attention to the warning of risks in connection with using of Internet Banking services.
請注意有關使用網路銀行服務時的風險警告。
Hãy chú ý đến cảnh báo rủi ro liên quan đến việc sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.

11. Not using mobile equipment which is unlocked to download and use the Internet Banking service application, or OTP generator software (if any).

不使用被解鎖的行動設備下載和使用網路銀行服務應用程序或 OTP 生成器軟體（如果有的話）。

Không sử dụng các thiết bị cầm tay bị bẻ khóa bảo mật để tải ứng dụng Ngân Hàng Điện Tử hoặc cài đặt phần mềm phát OTP (nếu có).

12. Any other unstated matters and other notices, please refer to the “Internet Banking Service user safety notice ” announced on Bank’s Website (<https://vnibank.scsb.com.tw>)

其他未盡事宜及注意事項，請參閱本行網路銀行登入頁面 (<https://vnibank.scsb.com.tw>)所公佈之『網路銀行用戶安全須知』。

Mọi vấn đề chưa được đề cập và các lưu ý khác, xin vui lòng tham khảo "Lưu ý về an toàn cho người sử dụng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử" được công bố tại Website của Ngân hàng (<https://vnibank.scsb.com.tw>)